BÀI GIẢNG: TỪ VỰNG CHỦ ĐỀ HEALTHY AND HEALTHY LIFESTYLE

CHUYÊN ĐỀ: TỪ VỰNG

GIÁO VIÊN: NGUYỄN THU HẢI – TUYENSINH247.COM

Choose the correct answer

1. Although _____ were valued before, today's global projects require stronger collaboration across time zones.

A. time management skills **B.** problem-solving skills **C.** teamwork skills **D.** critical thinking skills

2. Nowadays, many young people feel pressure to _____ unrealistic standards set by online influencer.

A. live up to **B.** catch up on **C.** settle down **D.** fall behind

3. Unlike people in the past, today's learners can _____ advanced digital platforms to access global educational content anytime.

A. gain insight into **B.** take advantage of **C.** drift away from **D.** keep track of

4. Modern societies must continually _____ their systems to stay relevant in a world shaped by rapid technological change.

A. adapt **B.** destroy **C.** demonstrate **D.** analyze

5. With the rise of global media, many traditional customs are gradually being _____ from younger generations' daily lives.

A. taken over **B.** looked back on **C.** drifted away **D.** settle down

6. The _____ of technology has transformed nearly every aspect of our lives, from communication to healthcare, and continues to reshape industries across the globe.

A. rapid development **B.** historical significance **C.** teamwork skill **D.** technological advancement

7. The progress in healthcare over the years _____ the significant improvements in life expectancy, something that wasn't possible in earlier continues.

A. analyzes **B.** demonstrates **C.** inspires **D.** recognizes

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) CLOSET in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

8. After spending decades in a quiet rural village, my grandfather was <u>in seventh heaven</u> the first time he used video call to see his overseas grandchildren

A. out of step with **B.** change of heart **C.** in tune with **D.** on cloud nine

9. Thanks to medical progress, people now <u>have operations</u> safely that were once considered life threatening or impossible.

A. go under the knife **B.** overlook an opportunity

C. improve living conditions **D.** look forward to operations

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

10. Many elderly people feel out of step with digital trends that younger generation adopt effortlessly.

A. a far cry from **B.** change of heart **C.** in tune with **D.** on cloud nine

11. Traditional music once relied on village festivals for <u>preservation</u> while now it's uploaded and archived on global streaming platforms.

A. evolution **B.** adaptation **C.** equalization **D.** destruction

Use the words given in CAPITALS to form a word that fits into the gap.

12. The village I grew up in has changed so much – it's now completely _____. (RECOGNIZE)

→ _____

13. _____ of income remains a challenge, even as many countries promote policies for social fairness. (EQUAL)

→ _____

14. The success of the project relied on a truly _____ spirit among team members from different departments. (COLLABORATE)

→ _____

15. The _____of communication from handwritten letters to instant messaging-has transformed how we maintain relationships. (EVOLVE)

→ _____

16. The _____ fossils, carefully extracted, provide essential information about prehistoric life and the Earth's ancient ecosystems. (PRESERVE).

→ _____

17. Long-term exposure to toxic chemicals can be extremely_____ to human health and development. (ADAPT)

→ _____

---THE END ---
HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

1. A	**2. A**	**3. B**	**4. A**	**5. C**	**6. A**	**7. B**
8. D	**9. A**	**10. C**	**11. D**			

12. unrecognizable

13. equalization

14. collaborative

15. evolution

16. preserved

17. adaptable

1. (NB)

Phương pháp:
Cách làm: Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa trong câu với ngữ cảnh của câu. Câu này đề cập đến sự "hợp tác mạnh mẽ hơn trong các dự án toàn cầu". Để giải quyết vấn đề này, cần phải có kỹ năng làm việc nhóm chứ không phải các kỹ năng cá nhân khác.

Kiến thức cần thiết: Hiểu về các kỹ năng trong công việc và vai trò của mỗi kỹ năng trong môi trường làm việc toàn cầu

Cách giải:
A. time management skills: Đây là kỹ năng quản lý thời gian, chủ yếu phục vụ cho việc lập kế hoạch và phân bổ thời gian cá nhân, không trực tiếp liên quan đến hợp tác.

B. problem-solving skills: Kỹ năng giải quyết vấn đề là quan trọng nhưng không tập trung vào sự hợp tác giữa các nhóm.

C. teamwork skills: Đây là kỹ năng làm việc nhóm, rất quan trọng trong môi trường làm việc toàn cầu và hợp tác qua các múi giờ khác nhau. **Đây là lựa chọn đúng.**

D. critical thinking skills: Kỹ năng tư duy phản biện liên quan đến phân tích vấn đề, nhưng không đề cập đến khả năng hợp tác.

Đáp án: C

2. (NB)

Phương pháp:
Cách làm: Xác định động từ phù hợp với nghĩa của câu. Câu này nói về việc đáp ứng hoặc chịu áp lực để "đạt được các tiêu chuẩn không thực tế", do đó từ cần tìm phải có nghĩa tương ứng.

Kiến thức cần thiết: Hiểu các cụm động từ và cách chúng thể hiện mối quan hệ giữa các yếu tố trong câu

Cách giải:
A. live up to: Cụm từ này có nghĩa là đáp ứng kỳ vọng, rất phù hợp với ngữ cảnh khi người trẻ bị áp lực để "đạt được" tiêu chuẩn từ những người có ảnh hưởng trực tuyến.

B. catch up on: Có nghĩa là bắt kịp, không phù hợp với yêu cầu của câu này.

C. settle down: Có nghĩa là ổn định cuộc sống, không liên quan đến áp lực tiêu chuẩn.

D. fall behind: Nghĩa là tụt lại phía sau, cũng không phù hợp với ngữ cảnh của câu.

Đáp án: A

3. (NB)

Phương pháp:

Cách làm: Cần hiểu nghĩa của từng cụm động từ và xác định cụm từ nào phù hợp với ngữ cảnh "học sinh ngày nay có thể sử dụng các nền tảng số tiên tiến để truy cập nội dung giáo dục toàn cầu".

Kiến thức cần thiết: Hiểu các cụm động từ và sự khác biệt trong nghĩa của chúng.

Cách giải:

A. gain insight into: Cụm từ này nghĩa là hiểu sâu hoặc nhận thức về điều gì, không phù hợp vì câu đề cập đến việc "sử dụng" nền tảng.

B. take advantage of: Cụm từ này nghĩa là tận dụng lợi thế của một cái gì đó, rất phù hợp với việc học sinh sử dụng các nền tảng số.

C. drift away from: Nghĩa là rời xa, không phù hợp với ngữ cảnh.

D. keep track of: Nghĩa là theo dõi, không liên quan đến việc sử dụng nền tảng số.

Đáp án: B

4. (TH)

Phương pháp:

Cách làm: Cần xác định động từ phù hợp với ngữ cảnh "thích nghi với sự thay đổi công nghệ nhanh chóng".

Kiến thức cần thiết: Hiểu các động từ và nghĩa của chúng trong ngữ cảnh về sự thay đổi và phát triển.

Cách giải:

A. adapt: Nghĩa là điều chỉnh, thay đổi để phù hợp với tình huống, rất phù hợp với ngữ cảnh của câu.

B. destroy: Nghĩa là phá hủy, không phù hợp với sự thay đổi hệ thống.

C. demonstrate: Nghĩa là chứng minh, không hợp với việc điều chỉnh hệ thống.

D. analyze: Nghĩa là phân tích, không phù hợp trong ngữ cảnh này

Đáp án: A

5. (NB)

Phương pháp:

Cách làm: Phân tích từng động từ và cụm động từ, xác định cái nào miêu tả sự mất đi dần dần của các tập tục truyền thống.

Kiến thức cần thiết: Hiểu nghĩa của các động từ và cách chúng diễn tả sự thay đổi trong xã hội.

Cách giải:

A. taken over: Nghĩa là chiếm lấy, không phù hợp với việc từ bỏ các tập tục truyền thống.

B. looked back on: Nghĩa là nhìn lại, không miêu tả sự biến mất của các tập tục.

C. drifted away: Nghĩa là dần dần rời xa, rất phù hợp với việc các tập tục truyền thống bị quên lãng.

D. settle down: Nghĩa là ổn định, không phù hợp.

Đáp án: C

6. (NB)

Phương pháp:

Cần hiểu về nghĩa của các cụm từ trong ngữ cảnh về sự thay đổi do công nghệ. Câu này nói về sự biến đổi lớn trong tất cả các lĩnh vực trong cuộc sống nhờ vào sự phát triển công nghệ, do đó các từ cần lựa chọn phải phù hợp với sự phát triển hoặc tiến bộ của công nghệ.

Cách làm:

Đọc câu và xác định từ cần điền có liên quan đến sự phát triển của công nghệ.

Loại bỏ các từ không liên quan như "teamwork skill" (kỹ năng làm việc nhóm) vì nó không liên quan đến chủ đề công nghệ.

Chọn từ mô tả sự tiến bộ công nghệ (vì câu đề cập đến sự thay đổi trong mọi lĩnh vực nhờ công nghệ).

Cách giải:

A. rapid development: Nghĩa là sự phát triển nhanh chóng, rất phù hợp với ngữ cảnh nói về sự thay đổi mạnh mẽ do công nghệ. Tuy nhiên, "technological advancement" có vẻ chính xác hơn trong ngữ cảnh này.

B. historical significance: Có nghĩa là tầm quan trọng lịch sử, không liên quan đến sự thay đổi trong công nghệ.

C. teamwork skill: Kỹ năng làm việc nhóm, không liên quan đến sự phát triển công nghệ.

D. technological advancement: Đây là cụm từ chính xác nhất vì nó chỉ sự tiến bộ công nghệ, liên quan trực tiếp đến sự thay đổi mà công nghệ mang lại cho các ngành nghề.

Đáp án: D

7. (TH)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Câu này đề cập đến sự tiến bộ trong lĩnh vực y tế và cách nó minh chứng cho sự cải thiện tuổi thọ, do đó, từ cần chọn phải thể hiện sự "minh chứng" hoặc "chứng tỏ" điều gì đó.

Cách làm:

Đọc câu và xác định động từ phù hợp với ngữ cảnh "minh chứng sự cải thiện tuổi thọ".

Các từ như "recognizes" (nhận ra) và "analyzes" (phân tích) không thích hợp trong ngữ cảnh này, vì không nói về việc chứng minh hay thể hiện sự cải tiến.

Chọn từ mô tả sự chứng minh rõ ràng về sự cải thiện.

Cách giải:

A. analyzes: Nghĩa là phân tích, nhưng không liên quan đến việc chứng minh sự cải thiện tuổi thọ.

B. demonstrates: Nghĩa là chứng minh, chỉ ra sự cải tiến hoặc thành công, rất phù hợp với ngữ cảnh này.

C. inspires: Nghĩa là truyền cảm hứng, không phải là nghĩa đúng trong ngữ cảnh này.

D. recognizes: Nghĩa là nhận ra, không phải là sự chứng minh hay thể hiện sự cải tiến.

Đáp án: B

8. (NB)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Cần hiểu thành ngữ "in seventh heaven", có nghĩa là rất hạnh phúc hoặc cực kỳ vui sướng. Câu này mô tả sự hạnh phúc của ông khi lần đầu sử dụng video call để gặp các cháu.

Cách làm:

Đọc câu và hiểu nghĩa của "in seventh heaven" trong ngữ cảnh.

Tìm một thành ngữ đồng nghĩa với "in seventh heaven".

Cách giải:

A. out of step with: Nghĩa là không hợp thời, không bắt kịp xu hướng, không liên quan đến sự vui sướng.

B. change of heart: Nghĩa là thay đổi quan điểm, không liên quan đến trạng thái cảm xúc vui sướng.

C. in tune with: Nghĩa là hòa hợp, đồng điệu, không phản ánh được sự vui sướng như "in seventh heaven".

D. on cloud nine: Thành ngữ này có nghĩa là rất hạnh phúc, rất vui sướng, tương đương với "in seventh heaven".

Đáp án: D

9. (NB)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Cần hiểu cụm từ "go under the knife" có nghĩa là "phẫu thuật", là cách diễn đạt thông thường cho hành động mổ xẻ trong y học.

Cách làm:

Đọc câu và xác định từ cần điền có liên quan đến việc phẫu thuật.

Chọn cụm từ tương đương với việc thực hiện một ca phẫu thuật.

Cách giải:

A. go under the knife: Đây là cụm từ thông dụng có nghĩa là "phẫu thuật", rất phù hợp với ngữ cảnh câu này.

B. overlook an opportunity: Nghĩa là bỏ qua cơ hội, không liên quan đến phẫu thuật.

C. improve living conditions: Nghĩa là cải thiện điều kiện sống, không liên quan đến phẫu thuật.

D. look forward to operations: Nghĩa là mong đợi phẫu thuật, không phải cách diễn đạt chính xác trong ngữ cảnh này.

Đáp án: A

10. (TH)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Câu này nói về sự khác biệt trong việc tiếp nhận công nghệ giữa thế hệ cũ và thế hệ trẻ. "Out of step with" có nghĩa là không theo kịp hoặc không đồng điệu với một cái gì đó.

Cách làm:

Đọc câu và hiểu nghĩa của "out of step with".

Tìm cụm từ trái nghĩa với "out of step with" (không theo kịp).

Cách giải:

A. a far cry from: Nghĩa là rất khác biệt, không phải là trái nghĩa của "out of step with".

B. change of heart: Nghĩa là thay đổi quan điểm, không phù hợp trong ngữ cảnh này.

C. in tune with: Nghĩa là hòa hợp, theo kịp, trái ngược hoàn toàn với "out of step with".

D. on cloud nine: Nghĩa là rất vui sướng, không phải là trái nghĩa của "out of step with".

Đáp án: C

11. (TH)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Câu này nói về việc bảo tồn âm nhạc truyền thống. Từ "preservation" (bảo tồn) cần một từ có nghĩa ngược lại với nó, ám chỉ sự "hủy hoại" hay "mất đi"

Cách làm:

Đọc câu và xác định từ có nghĩa ngược lại với "preservation" (bảo tồn).

Loại bỏ các từ không liên quan đến sự mất mát, hủy hoại.

Cách giải:

A. evolution: Nghĩa là sự tiến hóa, không phải là sự hủy hoại.

B. adaptation: Nghĩa là sự thích nghi, không phải là sự phá hủy hay hủy hoại.

C. equalization: Nghĩa là sự cân bằng, không liên quan đến hủy hoại âm nhạc truyền thống.

D. destruction: Nghĩa là sự phá hủy, hoàn toàn trái ngược với bảo tồn, là lựa chọn đúng.

Đáp án: D

12. (TH)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Câu yêu cầu từ vựng được hình thành từ từ cho trước "RECOGNIZE" để phù hợp với ngữ cảnh. "Unrecognizable" là từ được hình thành từ tiền tố "un-" (không) và gốc từ "recognize" (nhận ra), nghĩa là "không thể nhận ra được".

Cách làm:

Xác định nghĩa của câu, nơi cần một tính từ để mô tả sự thay đổi đến mức không thể nhận ra.

Thêm tiền tố hoặc hậu tố phù hợp để tạo thành từ mới mang nghĩa phù hợp trong ngữ cảnh.

Cách giải:

"Unrecognizable" là từ chính xác để mô tả một nơi đã thay đổi đến mức không thể nhận ra được, phù hợp với câu mô tả sự thay đổi mạnh mẽ của ngôi làng.

Đáp án: unrecognizable

13. (TH)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Câu yêu cầu một danh từ được hình thành từ từ "EQUAL" để diễn tả sự thay đổi, điều chỉnh nhằm đạt được sự công bằng trong thu nhập. Từ "equalization" có nghĩa là "sự cân bằng", "sự điều chỉnh để đạt được sự công bằng", rất phù hợp với ngữ cảnh về các chính sách xã hội nhằm giảm sự chênh lệch thu nhập.

Cách làm:

Xác định từ cần điền trong câu là một danh từ chỉ sự điều chỉnh hoặc cân bằng thu nhập.

Từ "equalization" là từ hợp lý để diễn tả quá trình điều chỉnh thu nhập nhằm đạt được sự công bằng.

Cách giải:

"Equalization" là từ chính xác để mô tả việc điều chỉnh thu nhập để đạt được sự công bằng xã hội, phù hợp với câu nói về chính sách giảm bất bình đẳng thu nhập.

Đáp án: Equalization

14. (TH)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Câu yêu cầu một tính từ để mô tả tinh thần hợp tác giữa các thành viên trong dự án. Từ "collaborative" là tính từ được hình thành từ động từ "collaborate" (hợp tác), có nghĩa là "hợp tác" hoặc "có tính chất hợp tác".

Cách làm:

Xác định từ cần điền trong câu là một tính từ để miêu tả tinh thần hợp tác của các thành viên trong nhóm.

Chuyển động từ "collaborate" thành tính từ "collaborative" để phù hợp với ngữ cảnh.

Cách giải:

"Collaborative" là từ chính xác để miêu tả tinh thần hợp tác giữa các thành viên trong nhóm, liên quan đến sự tương tác và làm việc chung giữa các bộ phận khác nhau trong dự án

Đáp án: Collaborative

15. (VD)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Câu yêu cầu một danh từ được hình thành từ động từ "evolve" để diễn tả sự phát triển hoặc sự tiến hóa. Từ "evolution" có nghĩa là sự tiến hóa, sự phát triển dần dần theo thời gian, rất phù hợp với ngữ cảnh mô tả sự thay đổi trong cách thức giao tiếp từ thư tay sang tin nhắn tức thời.

Cách làm:

Xác định từ cần điền trong câu là một danh từ chỉ sự thay đổi dần dần theo thời gian.

Sử dụng từ "evolution" để diễn tả sự tiến hóa trong cách thức giao tiếp.

Cách giải:

"Evolution" là từ chính xác để mô tả sự thay đổi từ hình thức giao tiếp truyền thống (thư tay) sang các phương thức hiện đại hơn (tin nhắn tức thời), phản ánh sự phát triển và tiến hóa trong phương thức giao tiếp

Đáp án: Evolution

16. (VD)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Câu yêu cầu một tính từ để mô tả những hóa thạch đã được bảo quản. Từ "preserved" là tính từ của động từ "preserve" (bảo quản), có nghĩa là đã được bảo tồn hoặc giữ gìn nguyên vẹn.

Cách làm:

Xác định từ cần điền trong câu là một tính từ để miêu tả hóa thạch đã được bảo quản.

Dùng "preserved" để mô tả tình trạng của các hóa thạch sau khi được bảo quản kỹ lưỡng.

Cách giải:

"Preserved" là từ chính xác để mô tả các hóa thạch đã được bảo quản cẩn thận, giữ nguyên tình trạng ban đầu để cung cấp thông tin về cuộc sống tiền sử và hệ sinh thái cổ xưa của Trái Đất.

Đáp án: preserved

17. (VD)

Phương pháp:

Kiến thức cần thiết: Câu yêu cầu một tính từ miêu tả khả năng thay đổi hoặc điều chỉnh của sức khỏe và sự phát triển đối với tác động của hóa chất độc hại. Từ "adaptable" là tính từ của động từ "adapt", có nghĩa là có thể thay đổi, điều chỉnh hoặc thích nghi với hoàn cảnh.

Cách làm:

Câu yêu cầu từ miêu tả tính chất của một cái gì đó có thể thay đổi hoặc thích nghi được.

Sử dụng "adaptable", từ có nghĩa là "có thể thích nghi" để mô tả khả năng của cơ thể con người điều chỉnh đối với tác động tiêu cực của hóa chất độc hại.

Cách giải:

Adaptable là từ chính xác để miêu tả sức khỏe con người và sự phát triển có thể thay đổi hoặc điều chỉnh khi tiếp xúc lâu dài với hóa chất độc hại. Nó diễn tả tính linh hoạt và khả năng điều chỉnh đối với những điều kiện thay đổi.

Đáp án: Adaptable